

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thom.

- Th ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Th ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Hồng Ng**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 8, B, xã Nh, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại I R S3 IC S A, Nhật Bản.Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đội 8, B, xã Nh, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người được chị Ng ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Vũ Thị Nh**, sinh năm 1982. Địa chỉ: P819 CT1A KĐT Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Hồng Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, huyện B, tỉnh Hải Dương, ngày 23/12/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung nên vợ chồng Thông xuyên xảy ra cãi nhau. Cũng trong năm 2016 chị đi lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10/5/2015, hiện nay đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/con chung/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Ng đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng tại địa phương, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Năm 2016 chị Ng đi nước ngoài, đến năm 2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Bản thân anh xác định vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, T cảm không thể hàn gắn được nên chị Ng có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung vợ chồng anh có hai con chung như chị Ng trình bày, hiện đang ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị Ng cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/01con chung/ 01tháng. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị Th có nguyện vọng được ở cùng với bố là Nguyễn Văn T.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống và đăng ký kết hôn thể hiện: Chị Lương Hồng Ng và anh Nguyễn Văn T kết hôn hợp pháp. Do anh T đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án nên địa phương đề nghị Tòa án xem xét ý kiến các đương sự và quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lương Hồng Ng, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Th ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 110, 116 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Hồng Ng ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày

10/5/2015 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc chị Lương Hồng Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Lương Hồng Ng phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Hồng Ng hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Lương Hồng Ng và việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị Ng, anh T vắng mặt và có đơn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Hồng Ng và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện B, tỉnh Hải Dương, ngày 23/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh T cũng xác định vợ chồng không còn T cảm nên cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ng ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Lương Hồng Ng và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10/5/2015. Xét về thực tế hai con chung đang ở cùng với anh T và đều có nguyện vọng ở với bố, chị Ng hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài và nhất trí để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10/5/2015 là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị Ng có căn cứ cho rằng anh T không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng đề nghị mức cấp dưỡng với số tiền là 1.500.000 đồng/01 con chung/01 tháng. Anh T xác định khi nuôi con phải có nhiều khoản chi phí sinh hoạt hàng tháng và phục vụ nhu cầu học tập của các con chung nên yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng. HĐXX thấy chị Ng hiện đang lao động tại nước ngoài và có thu nhập, các con chung đang trong độ tuổi đi học. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mức chi phí sinh hoạt phục vụ nhu cầu thiết yếu cho trẻ trong độ tuổi trên là từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên và khả năng cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, cần buộc chị Ng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 2.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng, cả 02 con chung là 4.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lương Hồng Ng** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/10/2012 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10/5/2015. Buộc chị Lương Hồng Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Hồng V là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) và Nguyễn Thị Th là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Lương Hồng Ng thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lương Hồng Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Vũ Thị Nh đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003990 ngày 13/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Lương Hồng Ng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Hồng Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nh, huyện B, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân